

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và “Lao động tiên tiến” cho các tập thể, cá nhân ngành Y tế năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ về Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-HĐTĐKT họp ngày 24/01/2025 của Hội đồng Thi đua khen thưởng ngành Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Hội đồng Thi đua khen thưởng ngành Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho 644 tập thể; Danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho 81 cá nhân ngành Y tế Hải Phòng năm 2024 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiền thưởng theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ cho 01 Tập thể lao động tiên tiến là 1.872.000 đồng, Lao động tiên tiến là 702.000 đồng; Tiền thưởng được chi trong nguồn kinh phí dự toán đã được phê duyệt của đơn vị trình.

Điều 3. Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng ngành Y tế Hải Phòng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc và các tập thể, cá nhân có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ SYT;
- Các phòng thuộc SYT;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc SYT;
- Lưu: VT, TCCB (LDH-40b).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

SỞ Y TẾ

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU
LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

Stt	Họ tên		Chức vụ	Đơn vị
I	Sở Y tế			
1	Ông	Lê Minh Quang	Giám đốc	Sở Y tế
2	Ông	Nguyễn Tiến Sơn	Phó Giám đốc	Sở Y tế
3	Ông	Phan Huy Thục	Phó Giám đốc	Sở Y tế
4	Ông	Trần Quốc Trinh	Phó Giám đốc	Sở Y tế
5	Ông	Phạm Văn Trường	Quyền Chánh Văn phòng	Văn phòng
6	Bà	Nguyễn Tuyết Mai Anh	Trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ
7	Ông	Trịnh Trọng Đại	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch Tài chính
8	Bà	Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch Tài chính
9	Ông	Trịnh Viết Thông	Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Y
10	Bà	Vũ Thị Thúy Ngọc	Phó Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Y
11	Bà	Đỗ Thị Thu Huyền	Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Dược
12	Bà	Hứa Thanh Hương	Phó Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Dược
13	Bà	Bạch Thị Thu Hà	Trưởng phòng	Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân
14	Bà	Trần Thị Bích Thủy	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân
15	Bà	Phạm Thị Trà	Chánh Thanh tra	Thanh tra
16	Ông	Nguyễn Văn Tung	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra
17	Bà	Trần Thị Mai Anh	Chuyên viên	Tổ chức cán bộ
18	Ông	Vũ Trọng Thiện	Chuyên viên	Tổ chức cán bộ
19	Bà	Lê Diệu Hằng	Chuyên viên	Tổ chức cán bộ
20	Bà	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Chuyên viên	Kế hoạch Tài chính
21	Bà	Nguyễn Thị Mai Hương	Chuyên viên	Kế hoạch Tài chính
22	Bà	Hoàng Thị Thanh Xuân	Chuyên viên	Kế hoạch Tài chính
23	Bà	Cao Thị Bích Vân	Chuyên viên	Kế hoạch Tài chính
24	Bà	Đỗ Thị Hiền Trang	Chuyên viên	Kế hoạch Tài chính
25	Ông	Lê Văn Mạng	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y
26	Bà	Dương Thị Thanh Tú	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y
27	Ông	Vũ Minh Ngọc	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y
28	Ông	Bùi Khánh Huy	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Dược
29	Ông	Nguyễn Việt Kha	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Dược
30	Bà	Lương Thảo Nhi	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Dược
31	Ông	Mai Thạch Thọ	Chuyên viên	Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân
32	Bà	Hoàng Thị Xuân Cúc	Chuyên viên	Thanh tra
33	Bà	Phạm Thị Ngọc Hà	Chuyên viên	Thanh tra
34	Bà	Nguyễn Thị Kim Ngân	Chuyên viên	Thanh tra
35	Bà	Phạm Minh Thùy Chi	Chuyên viên	Văn phòng
36	Bà	Phạm Thị Hằng	Chuyên viên	Văn phòng
37	Ông	Nguyễn Đức Dương	Chuyên viên	Văn phòng
38	Ông	Đặng Đình Chinh	Nhân viên	Văn phòng

Stt	Họ tên		Chức vụ	Đơn vị
39	Ông	Trần Trọng Thắm	Nhân viên	Văn phòng
40	Ông	Đinh Xuân Khương	Nhân viên	Văn phòng
41	Ông	Vũ Minh Hiếu	Nhân viên	Văn phòng
42	Ông	Phạm Văn Huy	Nhân viên	Văn phòng
43	Bà	Lê Thị Thanh Thúy	Nhân viên	Văn phòng
44	Ông	Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
45	Bà	Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc	Chi cục Dân số - KHHGĐ
II	Các đơn vị trực thuộc			
1	Ông	Nguyễn Quang Tập	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp
2	Ông	Nguyễn Bá Phước	Giám đốc	Bệnh viện Kiến An
3	Ông	Vũ Văn Tâm	Giám đốc	Bệnh viện Phụ sản
4	Ông	Bùi Văn Chiến	Giám đốc	Bệnh viện Trẻ em
5	Ông	Vũ Ngọc Trường	Giám đốc	Bệnh viện Phổi Hải Phòng
6	Ông	Đoàn Hồng Quang	Giám đốc	Bệnh viện Tâm thần
7	Ông	Khổng Hữu Cương	Giám đốc	Bệnh viện Y học cổ truyền
8	Ông	Phạm Văn Hải	Giám đốc	Bệnh viện Phục hồi chức năng
9	Ông	Nguyễn Đức Quân	Giám đốc	Bệnh viện Mắt Hải Phòng
10	Bà	Trần Thị Thu Hương	Giám đốc	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền
11	Ông	Lê Khắc Tùng	Giám đốc	Bệnh viện đa khoa thành phố Thủy Nguyên
12	Ông	Dương Đức Huấn	Giám đốc	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão
13	Bà	Lâm Thị Huyền	Giám đốc	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo
14	Ông	Phạm Văn Hoàng	Giám đốc	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương
15	Ông	Phạm An Hiện	Giám đốc	Trung tâm y tế quận An Dương
16	Ông	Vũ Văn Vui	Giám đốc	Trung tâm y tế huyện An Lão
17	Ông	Nguyễn Văn Huân	Giám đốc	Trung tâm y tế huyện Cát Hải
18	Ông	Đỗ Văn Công	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Đồ Sơn
19	Ông	Đoàn Văn Doan	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Dương Kinh
20	Ông	Bùi Vi Thế	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Hải An
21	Bà	Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Hồng Bàng
22	Ông	Nguyễn Hữu Thùy	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Kiến An
23	Ông	Cao Văn Phúc	Giám đốc	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy
24	Ông	Trần Văn Thảo	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Lê Chân
25	Bà	Vũ Thị Lượng	Giám đốc	Trung tâm y tế quận Ngô Quyền
26	Ông	Hoàng Văn Nhật	Giám đốc	Trung tâm y tế thành phố Thủy Nguyên
27	Ông	Phạm Tiến Thành	Giám đốc	Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng
28	Bà	Phạm Thị Ứng	Giám đốc	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Bảo
29	Ông	Đinh Duy Thanh	Phó Giám đốc phụ trách	Trung tâm y tế Quân dân y Bạch Long Vĩ
30	Ông	Đổng Trung Kiên	Giám đốc	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố
31	Bà	Vũ Thị Châu	Giám đốc	Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế
32	Ông	Đỗ Văn Thắng	Giám đốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm
33	Bà	Nguyễn Thị Phương Loan	Quyền Giám đốc	Trung tâm Da Liễu
34	Ông	Nguyễn Quang Chính	Giám đốc	Trung tâm Cấp cứu 115
35	Ông	Trần Văn Xuyên	Giám đốc	Trung tâm Pháp Y
36	Ông	Dương Tiến Thịnh	Giám đốc	Trung tâm Giám định Y khoa

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TẬP THỂ ĐẠT DANH HIỆU

TẬP THỂ LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
A. KHỐI CƠ QUAN, VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ		
1	Sở Y tế	
1.1	1	Văn phòng Sở Y tế
1.2	2	Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân
1.3	3	Phòng Nghiệp vụ Dược
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	
2.1	4	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
2.2	5	Phòng Hành chính nghiệp vụ
3	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	
3.1	6	Phòng Hành chính - Tổng hợp
3.2	7	Phòng Dân số và Truyền thông
B. KHỐI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC		
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	
1.1	8	Khoa Ngoại Ung bướu - chăm sóc giảm nhẹ Cơ sở An Đồng
1.2	9	Khoa Hồi sức tích cực cơ sở An Đồng
1.3	10	Khoa Ung bướu cơ sở An Đồng
1.4	11	Khoa Nhi cơ sở An Đồng
1.5	12	Khoa Bệnh nhiệt đới cơ sở An Đồng
1.6	13	Khoa Thận nhân tạo cơ sở An Đồng
1.7	14	Khám bệnh - Cấp cứu cơ sở An Đồng
1.8	15	Khoa Xét nghiệm cơ sở An Đồng
1.9	16	Khoa Gây mê hồi sức
1.10	17	Khoa Can thiệp Tim và Mạch máu
1.11	18	Khoa Hồi sức tích cực Ngoại
1.12	19	Khoa Ngoại 11
1.13	20	Khoa Tai mũi họng
1.14	21	Khoa Răng hàm mặt
1.15	22	Khoa Khám bệnh
1.16	23	Khoa Mắt
1.17	24	Khoa Lồng ngực
1.18	25	Khoa Đông y
1.19	26	Khoa Da liễu
1.20	27	Khoa Hóa sinh
1.21	28	Khoa Khám bệnh theo yêu cầu
1.22	29	Trung tâm Huyết học - Truyền máu
1.23	30	Khoa Xét nghiệm đa khoa
1.24	31	Khoa Vi sinh
1.25	32	Khoa Nội Cơ xương khớp
1.26	33	Khoa Thần kinh
1.27	34	Khoa Ngoại 9
1.28	35	Khoa Nội 4
1.29	36	Khoa Nội 3
1.30	37	Khoa Thận nhân tạo
1.31	38	Phòng Kế hoạch tổng hợp

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
1.32	39	Phòng Công nghệ thông tin
1.33	40	Khoa Hồi sức tích cực theo yêu cầu
1.34	41	Khoa Quốc tế
1.35	42	Phòng Quản lý chất lượng
1.36	43	Phòng Tổ chức cán bộ
1.37	44	Phòng Điều dưỡng
1.38	45	Phòng Hành chính
1.39	46	Khoa Dược
1.40	47	Phòng Vật tư thiết bị y tế
1.41	48	Khoa Dinh dưỡng
1.42	49	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
1.43	50	Khoa Huyết học lâm sàng
1.44	51	Khoa Phục hồi chức năng
1.45	52	Khoa Nội Tổng hợp cơ sở An Đồng
1.46	53	Khoa Phẫu thuật kỹ thuật cao theo yêu cầu
1.47	54	Gây mê hồi sức cơ sở An Đồng
1.48	55	Khoa Ngoại Tổng hợp cơ sở An Đồng
2	Bệnh viện Kiến An	
2.1	56	Bệnh viện Kiến An
2.2	57	Khoa Vi Sinh
2.3	58	Phòng Vật tư thiết bị y tế
2.4	59	Khoa Lọc máu
2.5	60	Khoa Y học cổ truyền
2.6	61	Khoa Phẫu thuật gây mê
2.7	62	Khoa Hóa sinh
2.8	63	Khoa Huyết học truyền máu
2.9	64	Phòng Hành chính quản trị
2.10	65	Khoa Ung bướu
2.11	66	Khoa Mắt
2.12	67	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
2.13	68	Khoa Dinh dưỡng
2.14	69	Phòng Tài chính kế toán
2.15	70	Khoa Ngoại Tiết niệu
2.16	71	Khoa Sản
2.17	72	Khoa Giải phẫu bệnh lý
2.18	73	Phòng Chỉ đạo tuyến và đào tạo
2.19	74	Khoa Khám bệnh
2.20	75	Khoa Nhi
2.21	76	Khoa Khám bệnh quốc tế
2.22	77	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
2.23	78	Khoa Tai mũi họng
2.24	79	Khoa Răng hàm mặt
2.25	80	Phòng Công tác xã hội
2.26	81	Khoa Dược
2.27	82	Khoa Phụ khoa
3	Bệnh viện Phụ sản	
3.1	83	Phòng Kế hoạch tổng hợp
3.2	84	Phòng Điều dưỡng
3.3	85	Phòng Chỉ đạo tuyến và Nghiên cứu khoa học
3.4	86	Phòng Hành chính quản trị
3.5	87	Phòng Quản lý chất lượng

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
3.6	88	Phòng Tài chính kế toán
3.7	89	Phòng Vật tư thiết bị y tế
3.8	90	Phòng Công tác xã hội
3.9	91	Phòng Công nghệ thông tin
3.10	92	Khoa Sản 1
3.11	93	Khoa Sản 3
3.12	94	Khoa Phụ
3.13	95	Khoa Khám bệnh
3.14	96	Khoa Kế hoạch hóa gia đình
3.15	97	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
3.16	98	Khoa Sơ sinh
3.17	99	Khoa Gây mê hồi sức
3.18	100	Khoa Quản lý thai nghén và Chẩn đoán trước sinh
3.19	101	Khoa Huyết học
3.20	102	Khoa Giải phẫu bệnh lý
3.21	103	Khoa Dược
3.22	104	Khoa Dinh dưỡng
3.23	105	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
3.24	106	Khoa ĐTNNT Sản phụ khoa
3.25	107	Phòng khám đa khoa
3.26	108	Khoa Quốc tế
4	Bệnh viện Trẻ em	
4.1	109	Khoa Hô hấp
4.2	110	Khoa Nội Tổng hợp
4.3	111	Khoa Ngoại chấn thương
4.4	112	Khoa Tự nguyện A
4.5	113	Khoa Hồi sức tích cực & chống độc
4.6	114	Khoa Tiêu hóa
4.7	115	Khoa Tai mũi họng
4.8	116	Khoa Răng hàm mặt-Mắt
4.9	117	Khoa Gây mê hồi tỉnh
4.10	118	Khoa Tim mạch – lồng ngực
4.11	119	Khoa Y học cổ truyền-PHCN
4.12	120	Khoa Thần kinh-Tâm bệnh
4.13	121	Khoa Sơ sinh
4.14	122	Khoa Khám bệnh
4.15	123	Khoa Hóa sinh
4.16	124	Khoa Huyết học
4.17	125	Khoa Giải phẫu bệnh
4.18	126	Khoa Dược
4.19	127	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
4.20	128	Khoa Dinh dưỡng
4.21	129	Phòng Vật tư thiết bị y tế
4.22	130	Phòng Kế hoạch tổng hợp
4.23	131	Phòng Chỉ đạo tuyến-HTQT
4.24	132	Phòng Công tác xã hội
4.25	133	Phòng Quản lý chất lượng
4.26	134	Phòng Công nghệ thông tin
5	Bệnh viện Phổi	
5.1	135	Bệnh viện Phổi
5.2	136	Phòng Tổ chức Hành chính

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
5.3	137	Phòng Tài chính kế toán
5.4	138	Phòng Vật tư thiết bị Y tế
5.5	139	Phòng Điều dưỡng
5.6	140	Phòng Chỉ đạo tuyến
5.7	141	Khoa Nội I
5.8	142	Khoa Nội II
5.9	143	Khoa Nội III
5.10	144	Khoa Nội V
5.11	145	Khoa Điều trị theo yêu cầu
5.12	146	Khoa Khám bệnh
5.13	147	Khoa Khám bệnh 33 Lê Đại Hành
5.14	148	Khoa Dinh dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn
5.15	149	Khoa Xét nghiệm
5.16	150	Khoa Dược
6	Bệnh viện Tâm thần	
6.1	151	Khoa Cấp tính Nam
6.2	152	Khoa Cấp tính Nữ
6.3	153	Khoa Điều trị ma túy
6.4	154	Khoa Y học cổ truyền
6.5	155	Khoa Tâm căn
6.6	156	Khoa Tâm thần Trẻ em và Người già
6.7	157	Khoa Khám bệnh
6.8	158	Khoa Cận lâm sàng
6.9	159	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng
6.10	160	Khoa Dược
6.11	161	Phòng Điều dưỡng
6.12	162	Phòng Hành chính quản trị
6.13	163	Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyến
6.14	164	Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện và Công tác xã hội
6.15	165	Phòng Tài chính kế toán
7	Bệnh viện Y học cổ truyền	
7.1	166	Bệnh viện Y học cổ truyền
7.2	167	Phòng Kế hoạch tổng hợp
7.3	168	Phòng Điều dưỡng
7.4	169	Khoa Cận Lâm sàng
7.5	170	Khoa Khám bệnh
7.6	171	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn- Dinh dưỡng
7.7	172	Khoa Dược
7.8	173	Khoa Nội - Tổng hợp
7.9	174	Khoa Nhi - Tap bệnh
7.10	175	Khoa Ngoại - Phụ
7.11	176	Khoa Châm cứu dưỡng sinh
7.12	177	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
7.13	178	Khoa Ngũ Quan
8	Bệnh viện Phục hồi chức năng	
8.1	179	Bệnh viện Phục hồi chức năng
8.2	180	Phòng Kế hoạch tổng hợp-Điều dưỡng
8.3	181	Phòng Tổ chức -Hành chính-Vật tư thiết bị
8.4	182	Phòng Tài chính kế toán
8.5	183	Khoa Khám bệnh-Cấp cứu-Cận lâm sàng-Dược
8.6	184	Khoa Phẫu thuật chỉnh hình

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
8.7	185	Khoa Y học cổ truyền
8.8	186	Khoa Phục hồi chức năng
9	Bệnh viện Mắt Hải Phòng	
9.1	187	Phòng Tổ chức - Hành chính
9.2	188	Phòng Tài chính kế toán
9.3	189	Phòng Kế hoạch tổng hợp
9.4	190	Phòng Điều dưỡng - Dinh Dưỡng
9.5	191	Phòng truyền thông CTXH & HTQT
9.6	192	Khoa Dịch vụ KTCTYC
9.7	193	Khoa Điều trị tổng hợp
9.8	194	Khoa Khám bệnh - Cận Lâm sàng
9.9	195	Khoa Phẫu thuật - Chống nhiễm khuẩn
9.10	196	Khoa Dược
9.11	197	Khoa Mắt trẻ em
10	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	
10.1	198	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền
10.2	199	Phòng Tổ chức cán bộ
10.3	200	Phòng Hành chính quản trị
10.4	201	Phòng Điều dưỡng
10.5	202	Khoa Dược
10.6	203	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
10.7	204	Khoa Khám bệnh đa khoa
10.8	205	Khoa Nội
10.9	206	Khoa Sản
10.10	207	Khoa Ngoại
10.11	208	Khoa Nhi
10.12	209	Khoa Xét nghiệm
10.13	210	Khoa Liên chuyên khoa
10.14	211	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
11	Bệnh viện đa khoa thành phố Thủy Nguyên	
11.1	212	Bệnh viện đa khoa thành phố Thủy Nguyên
11.2	213	Khoa Nội Tổng hợp
11.3	214	Khoa Nội tim mạch - Hô hấp
11.4	215	Khoa Nhi
11.5	216	Khoa Ngoại Tổng hợp
11.6	217	Khoa Bệnh nhiệt đới
11.7	218	Phòng Điều dưỡng
11.8	219	Khoa Gây mê hồi sức
11.9	220	Khoa Sản
11.10	221	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc
11.11	222	Khoa Tai mũi họng
11.12	223	Khoa Xét nghiệm
11.13	224	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
11.14	225	Cơ sở điều trị II Quảng Thanh
11.15	226	Phân viện Minh Đức
11.16	227	Khoa Dược
11.17	228	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
11.18	229	Phòng Hành chính quản trị
11.19	230	Phòng Tài chính kế toán
11.20	231	Khoa Dinh dưỡng
11.21	232	Phòng Công tác xã hội

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
11.22	233	Phòng Vật tư thiết bị y tế
12	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	
12.1	234	Khoa Cận lâm sàng
12.2	235	Khoa Liên chuyên khoa
12.3	236	Khoa Mắt
12.4	237	Khoa Dược
12.5	238	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
12.6	239	Khoa Nội
12.7	240	Khoa Truyền nhiễm
12.8	241	Khoa Nhi
12.9	242	Khoa Y học cổ truyền
12.10	243	Khoa Sản
12.11	244	Cơ sở điều trị II
12.12	245	Phòng Kế hoạch tổng hợp
12.13	246	Phòng Hành chính quản trị
12.14	247	Phòng Vật tư thiết bị y tế
13	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo	
13.1	248	Phòng Kế hoạch tổng hợp
13.2	249	Phòng Công tác xã hội
13.3	250	Phòng Điều dưỡng
13.4	251	Hành chính quản trị
13.5	252	Khoa Nội
13.6	253	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
13.7	254	Khoa Nhi
13.8	255	Khoa Truyền nhiễm
13.9	256	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
13.10	257	Cơ sở điều trị II Cộng Hòa
14	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	
14.1	258	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương
14.2	259	Phòng Tổ chức Hành chính Kế toán
14.3	260	Phòng Kế hoạch Điều dưỡng
14.4	261	Khoa Khám bệnh
14.5	262	Khoa Ngoại sản
14.6	263	Khoa Nội nhi Lây
14.7	264	Khoa Dược
15	Trung tâm y tế quận An Dương	
15.1	265	Trung tâm y tế quận An Dương
15.2	266	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
15.3	267	Phòng Điều dưỡng
15.4	268	Phòng Tổ chức hành chính
15.5	269	Phòng Dân số - Truyền thông - Giáo dục sức khỏe
15.6	270	Khoa Truyền nhiễm
15.7	271	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
15.8	272	Khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng
15.9	273	Khoa Cấp cứu, Hồi sức tích cực, chống độc và phẫu thuật gây mê hồi sức
15.10	274	Khoa Dược - Trang thiết bị vật tư y tế
15.11	275	Khoa Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh
15.12	276	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
15.13	277	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS
15.14	278	Khoa Y tế cộng đồng
15.15	279	Khoa An toàn thực phẩm - Dinh dưỡng

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
15.16	280	Trạm y tế thị trấn An Dương
15.17	281	Trạm y tế phường Đồng Thái
15.18	282	Trạm y tế phường Hồng Thái
15.19	283	Trạm y tế phường Đặng Cương
15.20	284	Trạm y tế phường Quốc Tuấn
15.21	285	Trạm y tế phường Lê Lợi
15.22	286	Trạm y tế phường Hồng Phong
15.23	287	Trạm y tế phường Đại Bản
15.24	288	Trạm y tế phường Lê Thiện
15.25	289	Trạm y tế phường An Hưng
15.26	290	Trạm y tế phường Nam Sơn
15.27	291	Trạm y tế phường Bắc Sơn
15.28	292	Trạm y tế phường An Hòa
16	Trung tâm y tế huyện An Lão	
16.1	293	Trung tâm Y tế huyện An Lão
16.2	294	Phòng Hành chính tổng hợp
16.3	295	Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe - Chăm sóc sức khỏe sinh sản
16.4	296	Khoa Kiểm soát bệnh, tật - An toàn vệ sinh thực phẩm
16.5	297	Khoa Y tế công cộng - Xét nghiệm
16.6	298	Trạm Y tế xã Bát Trang
16.7	299	Trạm Y tế xã Trường Thành
16.8	300	Trạm Y tế xã Trường Thọ
16.9	301	Trạm Y tế xã An Tiên
16.10	302	Trạm Y tế xã An Thắng
16.11	303	Trạm Y tế xã Tân Dân
16.12	304	Trạm Y tế xã Thị trấn Trường Sơn
16.13	305	Trạm Y tế xã Thị trấn An Lão
16.14	306	Trạm Y tế xã Quang Trung
16.15	307	Trạm Y tế xã Quốc Tuấn
16.16	308	Trạm Y tế xã Tân Viên
16.17	309	Trạm Y tế xã Chiến Thắng
16.18	310	Trạm Y tế xã An Thái
16.19	311	Trạm Y tế xã Mỹ Đức
16.20	312	Trạm Y tế xã An Thọ
16.21	313	Trạm Y tế xã Thái Sơn
17	Trung tâm y tế huyện Cát Hải	
17.1	314	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải
17.2	315	Phòng Tổ chức - Hành chính
17.3	316	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng
17.4	317	Phòng Tài chính - Kế toán
17.5	318	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe
17.6	319	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm
17.7	320	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
17.8	321	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu
17.9	322	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
17.10	323	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS
17.11	324	Khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng
17.12	325	Khoa Ngoại tổng hợp
17.13	326	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản - Phụ sản
17.14	327	Trạm Y tế Quân dân Y xã Việt Hải

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
17.15	328	Trạm Y tế xã thị trấn Cát Bà
17.16	329	Trạm Y tế xã Trân Châu
17.17	330	Trạm Y tế thôn Hải Sơn
17.18	331	Trạm Y tế xã Xuân Đám
17.19	332	Trạm Y tế xã Hiền Hào
17.20	333	Trạm Y tế xã Phù Long
17.21	334	Trạm Y tế thị trấn Cát Hải
17.22	335	Trạm Y tế xã Gia Luận
17.23	336	Trạm Y tế xã Văn Phong
17.24	337	Trạm Y tế xã Nghĩa Lộ
18	Trung tâm y tế quận Đồ Sơn	
18.1	338	Phòng Tổ chức - Tài chính
18.2	339	Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe
18.3	340	Khoa Dược và Kiểm soát nhiễm khuẩn
18.4	341	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm
18.5	342	Khoa Khám bệnh, Cấp cứu và Răng hàm mặt, Mắt, Tai mũi họng
18.6	343	Khoa Ngoại Sản, Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản
18.7	344	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
18.8	345	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/ AIDS
18.9	346	Khoa An toàn thực phẩm/Y tế công cộng
18.10	347	Trạm Y tế phường Hải Sơn
18.11	348	Trạm Y tế phường Ngọc Xuyên
18.12	349	Trạm Y tế phường Bàng La
18.13	350	Trạm Y tế phường Vạn Hương
18.14	351	Trạm Y tế phường Hợp Đức
18.15	352	Trạm Y tế phường Minh Đức
19	Trung tâm y tế quận Dương Kinh	
19.1	353	Trung tâm y tế quận Dương Kinh
19.2	354	Phòng Tổ chức - Hành chính
19.3	355	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ
19.4	356	Phòng Dân số - Truyền thông - Giáo dục sức khỏe
19.5	357	Khoa Ngoại tổng hợp - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản
19.6	358	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm
19.7	359	Khoa Khám bệnh
19.8	360	Phòng Tài chính Kế toán
19.9	361	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế
19.10	362	Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng
19.11	363	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
19.12	364	Khoa Y tế công cộng
19.13	365	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
19.14	366	Trạm Y tế phường Tân Thành
19.15	367	Trạm Y tế phường Hải Thành
19.16	368	Trạm Y tế phường Đa Phúc
19.17	369	Trạm Y tế phường Hòa Nghĩa
19.18	370	Trạm Y tế phường Hưng Đạo
19.19	371	Trạm Y tế phường Anh Dũng
19.20	372	Phòng khám Methadone
20	Trung tâm y tế quận Hải An	
20.1	373	Trung tâm Y tế quận Hải An
20.2	374	Phòng Điều dưỡng
20.3	375	Phòng Tài chính - Kế toán

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
20.4	376	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe
20.5	377	Khoa Khám bệnh
20.6	378	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng
20.7	379	Khoa Ngoại, liên chuyên khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
20.8	380	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
20.9	381	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản
20.10	382	Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
20.11	383	Trạm Y tế phường Đăng Lâm
20.12	384	Trạm Y tế phường Đăng Hải
20.13	385	Trạm Y tế phường Thành Tô
20.14	386	Trạm Y tế phường Cát Bi
20.15	387	Trạm Y tế phường Đông Hải 1
20.16	388	Trạm Y tế phường Đông Hải 2
20.17	389	Trạm Y tế phường Nam Hải
20.18	390	Trạm Y tế phường Tràng Cát
20.19	391	Cơ sở điều trị Methadone
21	Trung tâm y tế quận Hồng Bàng	
21.1	392	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng
21.2	393	Phòng Điều dưỡng
21.3	394	Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe
21.4	395	Khoa Nội tổng hợp
21.5	396	Khoa Ngoại tổng hợp
21.6	397	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản
21.7	398	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
21.8	399	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế
21.9	400	Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm
21.10	401	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
21.11	402	Trạm Y tế phường Quán Toan
21.12	403	Trạm Y tế phường Hùng Vương
21.13	404	Trạm Y tế phường Sở Dầu
21.14	405	Trạm Y tế phường Thượng Lý
21.15	406	Trạm Y tế phường Hạ Lý
21.16	407	Trạm Y tế phường Hoàng Văn Thụ
21.17	408	Trạm Y tế phường Minh Khai
21.18	409	Trạm Y tế phường Phan Bội Châu
21.19	410	Phòng khám Đa khoa khu vực Thượng Lý
21.20	411	Cơ sở điều trị Methadone
22	Trung tâm y tế quận Kiến An	
22.1	412	Phòng Tài chính kế toán
22.2	413	Phòng Tổ chức hành chính
22.3	414	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ
22.4	415	Phòng Dân số- Truyền thông và GDSK
22.5	416	Phòng Điều dưỡng
22.6	417	Khoa Khám bệnh
22.7	418	Khoa Nội tổng hợp
22.8	419	Khoa Ngoại tổng hợp
22.9	420	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
22.10	421	Khoa Chẩn đoán hình ảnh và XN
22.11	422	Khoa YHCT và PHCN
22.12	423	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
22.13	424	Khoa Dược TTB- VTYT

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
22.14	425	Khoa Y tế công cộng- KSBT-ATVSTP
22.15	426	Trạm YTP Lâm Hà
22.16	427	Trạm YTP Quán Trữ
22.17	428	Trạm YTP Đồng Hòa
22.18	429	Trạm YTP Nam Sơn
22.19	430	Trạm YTP Bắc Sơn
22.20	431	Trạm YTP Ngọc Sơn
22.21	432	Trạm YTP Trần Thành Ngọ
22.22	433	Trạm YTP Phù Liễn
22.23	434	Trạm YTP Tràng Minh
22.24	435	Trạm YTP Văn Đẩu
23	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy	
23.1	436	Phòng Tài chính - Kế toán
23.2	437	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ
23.3	438	Phòng Điều dưỡng
23.4	439	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe
23.5	440	Khoa Khám bệnh
23.6	441	Khoa Nội – Hồi sức
23.7	442	Khoa Ngoại – Tổng hợp
23.8	443	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
23.9	444	Khoa Nhi – Lây
23.10	445	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế
23.11	446	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS
23.12	447	Khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng
23.13	448	Phòng khám đa khoa khu vực Tú Sơn
23.14	449	Trạm Y tế xã Thuận Thiên
23.15	450	Trạm Y tế xã Hữu Bằng
23.16	451	Trạm Y tế xã Đại Đồng
23.17	452	Trạm Y tế xã Ngũ Phúc
23.18	453	Trạm Y tế xã Đông Phương
23.19	454	Trạm Y tế xã Tân Phong
23.20	455	Trạm Y tế xã Đại Hợp
23.21	456	Trạm Y tế xã Tân Trào
23.22	457	Trạm Y tế xã Thanh Sơn
23.23	458	Trạm Y tế xã Minh Tân
23.24	459	Trạm Y tế xã Kiến Quốc
23.25	460	Trạm Y tế xã Đoàn Xá
23.26	461	Trạm Y tế xã Tú Sơn
23.27	462	Trạm Y tế xã Du Lễ
23.28	463	Trạm Y tế thị trấn Núi Đồi
23.29	464	Trạm Y tế xã Đại Hà
23.30	465	Trạm Y tế xã Thụy Hương
23.31	466	Trạm Y tế xã Ngũ Đoan
24	Trung tâm y tế quận Lê Chân	
24.1	467	Trung tâm Y tế quận Lê Chân
24.2	468	Phòng Điều dưỡng
24.3	469	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe
24.4	470	Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng
24.5	471	Khoa An toàn thực phẩm
24.6	472	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
24.7	473	Khoa Nội tổng hợp

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
24.8	474	Khoa Khám bệnh
24.9	475	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
24.10	476	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản
24.11	477	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
24.12	478	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế
24.13	479	Trạm Y tế An Biên
24.14	480	Trạm Y tế An Dương
24.15	481	Trạm Y tế Cát Dài
24.16	482	Trạm Y tế Dư Hàng
24.17	483	Trạm Y tế Dư Hàng Kênh
24.18	484	Trạm Y tế Đông Hải
24.19	485	Trạm Y tế Hàng Kênh
24.20	486	Trạm Y tế Hồ Nam
24.21	487	Trạm Y tế Kênh Dương
24.22	488	Trạm Y tế Niệm Nghĩa
24.23	489	Trạm Y tế Nghĩa Xá
24.24	490	Trạm Y tế Trại Cau
24.25	491	Trạm Y tế Trần Nguyên Hãn
24.26	492	Trạm Y tế Vĩnh Niệm
24.27	493	Cơ sở điều trị Methadone Vĩnh Niệm
25	Trung tâm y tế quận Ngô Quyền	
25.1	494	Phòng Tổ chức - Hành chính
25.2	495	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS
25.3	496	Khoa Y tế công cộng và An toàn thực phẩm
25.4	497	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và xét nghiệm
25.5	498	Phòng Dân số - Truyền thông và GDSK
25.6	499	Cơ sở điều trị Methadone Ngô Quyền
25.7	500	Trạm Y tế phường Cầu Tre
25.8	501	Trạm Y tế phường Cầu Đất
25.9	502	Trạm Y tế phường Đằng Giang
25.10	503	Trạm Y tế phường Đông Khê
25.11	504	Trạm Y tế Phường Đồng Quốc Bình
25.12	505	Trạm Y tế phường Gia Viên
25.13	506	Trạm Y tế phường Lạc Viên
25.14	507	Trạm Y tế phường Lạch Tray
25.15	508	Trạm Y tế phường Lê Lợi
25.16	509	Trạm Y tế phường Máy Chai
25.17	510	Trạm Y tế phường Máy Tơ
25.18	511	Trạm Y tế phường Vạn Mỹ
26	Trung tâm y tế thành phố Thủy Nguyên	
26.1	512	Trung tâm y tế thành phố Thủy Nguyên
26.2	513	Phòng Hành chính tổng hợp
26.3	514	Khoa Xét nghiệm - An toàn vệ sinh thực phẩm
26.4	515	Khoa Y tế công cộng
26.5	516	Khoa Kiểm soát bệnh tật HIV/AIDS
26.6	517	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
26.7	518	Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe
26.8	519	Cơ sở Methadone Thủy Sơn
26.9	520	Cơ sở Methadone Thủy Triều
26.10	521	Trạm y tế Kỳ Sơn
26.11	522	Trạm y tế An Sơn

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
26.12	523	Trạm y tế Phù Ninh
26.13	524	Trạm y tế Quảng Thanh
26.14	525	Trạm y tế Hợp Thành
26.15	526	Trạm y tế Mỹ Đồng
26.16	527	Trạm y tế Cao Nhân
26.17	528	Trạm y tế Hoàng Động
26.18	529	Trạm y tế Lâm Động
26.19	530	Trạm y tế Tân Dương
26.20	531	Trạm y tế Dương Quan
26.21	532	Trạm y tế Thủy Sơn
26.22	533	Trạm y tế Đông Sơn
26.23	534	Trạm y tế Kênh Giang
26.24	535	Trạm y tế Lưu Kiêm
26.25	536	Trạm y tế Lưu Kỳ
26.26	537	Trạm y tế Liên Khê
26.27	538	Trạm y tế Minh Tân
26.28	539	Trạm y tế Gia Minh
26.29	540	Trạm y tế Gia Đức
26.30	541	Trạm y tế An Lư
26.31	542	Trạm y tế Trung Hà
26.32	543	Trạm y tế Thủy Triều
26.33	544	Trạm y tế Ngũ Lão
26.34	545	Trạm y tế Phục Lễ
26.35	546	Trạm y tế Phả Lễ
26.36	547	Trạm y tế Lập Lễ
27	Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	
27.1	548	Khoa Nội Truyền nhiễm
27.2	549	Khoa Ngoại Sản
27.3	550	Khoa Nhi
27.4	551	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
27.5	552	Khoa Liên chuyên khoa
27.6	553	Khoa Khám bệnh
27.7	554	Phòng khám đa khoa Khu vực Hùng Thắng
27.8	555	Khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh
27.9	556	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
27.10	557	Khoa Dược - Trang thiết bị vật tư y tế
27.11	558	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
27.12	559	Phòng Điều dưỡng
27.13	560	Phòng Tổ chức hành chính
27.14	561	Phòng Tài chính kế toán
27.15	562	Khoa Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS
27.16	563	Khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng
27.17	564	Phòng Dân số - Truyền thông - Giáo dục sức khỏe
27.18	565	Trạm Y tế Thị trấn
27.19	566	Trạm Y tế xã Đại Thắng
27.20	567	Trạm Y tế xã Tiên Cường
27.21	568	Trạm Y tế xã Tự Cường
27.22	569	Trạm Y tế xã Quyết Tiên
27.23	570	Trạm Y tế xã Khởi Nghĩa
27.24	571	Trạm Y tế xã Tiên Thanh
27.25	572	Trạm Y tế xã Cấp Tiến

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
27.26	573	Trạm Y tế xã Kiến Thiết
27.27	574	Trạm Y tế xã Đoàn Lập
27.28	575	Trạm Y tế xã Quang Phục
27.29	576	Trạm Y tế xã Tiên Minh
27.30	577	Trạm Y tế xã Bạch Đằng
27.31	578	Trạm Y tế xã Toàn Thắng
27.32	579	Trạm Y tế xã Tiên Thắng
27.33	580	Trạm Y tế xã Bắc Hưng
27.34	581	Trạm Y tế xã Nam Hưng
27.35	582	Trạm Y tế xã Đông Hưng
27.36	583	Trạm Y tế xã Tây Hưng
27.37	584	Trạm Y tế xã Hùng Thắng
27.38	585	Trạm Y tế xã Vinh Quang
28	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Bảo	
28.1	586	Phòng Hành chính tổng hợp
28.2	587	Phòng Dân số - Truyền thông & GDSK
28.3	588	Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm - Xét nghiệm
28.4	589	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
28.5	590	Trạm y tế xã Giang Biên
28.6	591	Trạm y tế xã Dũng Tiến
28.7	592	Trạm y tế xã Vĩnh An
28.8	593	Trạm y tế xã Việt Tiến
28.9	594	Trạm y tế xã Tân Liên
28.10	595	Trạm y tế xã Thắng Thủy
28.11	596	Trạm y tế xã Vĩnh Long
28.12	597	Trạm y tế xã Hiệp Hòa
28.13	598	Trạm y tế xã Hùng Tiến
28.14	599	Trạm y tế xã Thị Trấn
28.15	600	Trạm y tế xã Tân Hưng
28.16	601	Trạm y tế xã Tam Đa
28.17	602	Trạm y tế xã Nhân Hòa
28.18	603	Trạm y tế xã Vinh Quang
28.19	604	Trạm y tế xã Hưng Nhân
28.20	605	Trạm y tế xã Đông Minh
28.21	606	Trạm y tế xã Thanh Lương
28.22	607	Trạm y tế xã Tiên Phong
28.23	608	Trạm y tế xã Vĩnh Phong
28.24	609	Trạm y tế xã Liên Am
28.25	610	Trạm y tế xã Lý Học
28.26	611	Trạm y tế xã Cao Minh
28.27	612	Trạm y tế xã Tam Cường
28.28	613	Trạm y tế xã Cổ Am
28.29	614	Trạm y tế xã Hòa Bình
28.30	615	Trạm y tế xã Trần Dương
29	Trung tâm y tế Quân dân y Bạch Long Vĩ	
29.1	616	Trung tâm y tế Quân dân y Bạch Long Vĩ
29.2	617	Khoa Ngoại, Sản, Hô hấp cấp cứu
30	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố	
30.1	618	Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
30.2	619	Khoa phòng, chống HIV
30.3	620	Khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm

Stt		TÊN TẬP THỂ
1		2
30.4	621	Khoa Sức khỏe môi trường & Y tế trường học
30.5	622	Khoa Bệnh nghề nghiệp
30.6	623	Khoa Sức khỏe sinh sản
30.7	624	Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe
30.8	625	Khoa Dược - Vật tư y tế
30.9	626	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ
30.10	627	Phòng Tài chính - Kế toán
31	Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế	
31.1	628	Khoa Kiểm dịch y tế
31.2	629	Khoa Xử lý y tế
31.3	630	Khoa Xét nghiệm
31.4	631	Phòng Kế hoạch tổng hợp
32	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	
32.1	632	Phòng Hóa lý
32.2	633	Phòng Dược lý - vi sinh
32.3	634	Phòng Kiểm nghiệm Đông dược - dược liệu
32.4	635	Phòng Tổ chức hành chính Kế hoạch Tài chính
33	Trung tâm Da Liễu	
33.1	636	Trung tâm Da liễu
33.2	637	Phòng Xét nghiệm
34	Trung tâm Cấp cứu 115	
34.1	638	Trung tâm Cấp cứu 115
34.2	639	Phòng Kế hoạch - Tài chính - Dược
34.3	640	Phòng Tổ chức Hành chính
34.4	641	Phòng Điều phối Cấp cứu
34.5	642	Khoa Cấp cứu Ngoại viện
35	Trung tâm Pháp Y	
35.1	643	Phòng Kế hoạch tổng hợp
36	Trung tâm Giám định Y khoa	
36.1	644	Phòng khám Giám định

Tổng số có: 644 tập thể